TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN **BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 242 /QĐ-PTI	*Hà Nội, ngày 17 tháng 09 năm 2012*

QUYẾT ĐỊNH

V/v: Ban hành Quy tắc Bảo hiểm xây dựng

TỔNG GIÁM ĐỐC TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện sửa đổi, bổ sung đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 14/05/2010;*
- *Căn cứ Quyết định số 126/QĐ-PTI-TCNS ngày 21/07/2011 của Tổng giám đốc Tổng Công ty cổ phần Bảo hiểm Bưu điện về việc phân công nhiệm vụ trong Ban Tổng giám đốc Tổng Công ty;*
- *Căn cứ Quyết định số 288/QĐ-PTI-TCNS ngày 12/08/2010 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện về Quy định chức năng nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và quan hệ công tác của các Ban tại trụ sở chính Tổng Công ty;*
- *Theo đề nghị của Giám đốc Ban Bảo hiểm Tài sản Kỹ thuật Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu Điện;*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Ban hành kèm theo Quyết định này "Quy tắc bảo hiểm xây dựng"; Quyết định này thay thế Quyết định số 122/2008/QĐ-PTI ngày 16 tháng 04 năm 2008.

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Giám đốc Ban Bảo hiểm tài sản kỹ thuật, Giám đốc các Ban liên quan thuộc Văn phòng Tổng Công ty và Giám đốc các Công ty thành viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:
- Như điều 3;
- Ban TGĐ;
- Lưu VT, TSKT

K/T. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN PTI

Nguyễn Đức Bình

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN
Tầng 8, Tòa nhà số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
T 04 3772 4466 | F 04 3772 4460 | W www.pti.com.vn

QUY TẮC
BẢO HIỂM XÂY DỰNG

(Ban hành kèm theo Quyết định số 242 /QĐ-PTI ngày 17 tháng 09 năm 2012 của Tổng giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện)

Điều 1. Đối tượng bảo hiểm

Quy tắc bảo hiểm này được áp dụng đối với những đối tượng bảo hiểm sau đây, với điều kiện là những đối tượng bảo hiểm đó được ghi trong hợp đồng bảo hiểm:

1. Các công trình xây dựng bao gồm công trình xây dựng công cộng, nhà ở, công trình công nghiệp, giao thông, thủy lợi, năng lượng và các công trình khác;

2. Trang thiết bị xây dựng phục vụ quá trình xây dựng;

3. Máy móc xây dựng phục vụ quá trình xây dựng;

4. Phần công việc lắp đặt phục vụ và/hoặc cấu thành một bộ phận của quá trình xây dựng;

5. Tài sản sẵn có trên và trong phạm vi công trường thuộc quyền sở hữu, quản lý, trông nom, kiểm soát của người được bảo hiểm;

6. Trách nhiệm đối với người thứ ba.

Điều 2. Bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm

Trong Quy tắc bảo hiểm này, bên mua bảo hiểm và người được bảo hiểm được hiểu như sau:

1. Bên mua bảo hiểm là chủ đầu tư (hoặc ban quản lý dự án). Trường hợp phí bảo hiểm đã được tính vào giá trúng thầu thì nhà thầu thực hiện việc mua bảo hiểm. Bên mua bảo hiểm có thể đồng thời là người được bảo hiểm.

2. Người được bảo hiểm là tổ chức, cá nhân có tài sản, trách nhiệm dân sự được bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

Điều 3. Hợp đồng bảo hiểm

Thoả thuận bảo hiểm giữa bên mua bảo hiểm và doanh nghiệp bảo hiểm được thể hiện dưới hình thức hợp đồng bảo hiểm. Hợp đồng bảo hiểm bao gồm Quy tắc bảo hiểm này, Giấy yêu cầu bảo hiểm, Giấy chứng nhận bảo hiểm và các điều khoản sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo hiểm (nếu có).

Điều 4. Giấy yêu cầu bảo hiểm

Khi yêu cầu bảo hiểm, bên mua bảo hiểm phải gửi Giấy yêu cầu bảo hiểm theo mẫu quy định tại Phụ lục 1 (đính kèm theo Quy tắc bảo hiểm này) cho doanh nghiệp bảo hiểm. Giấy yêu cầu bảo hiểm là một bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm.

Điều 5. Giấy chứng nhận bảo hiểm

Giấy chứng nhận bảo hiểm là bằng chứng của việc giao kết hợp đồng bảo hiểm và là một bộ phận không tách rời của hợp đồng bảo hiểm. Giấy chứng nhận bảo hiểm được lập theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 (đính kèm Quy tắc bảo hiểm này).

Điều 6. Thời hạn bảo hiểm

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm bắt đầu từ lúc khởi công công trình hoặc từ khi các hạng mục được bảo hiểm có tên trong hợp đồng bảo hiểm được dỡ xuống công trường, cho dù thời hạn bắt đầu bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm có thể khác.

Tuy nhiên, hợp đồng bảo hiểm xây dựng chỉ thực sự có hiệu lực sau khi người được bảo hiểm đã trả phí bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm trừ khi có thoả thuận khác bằng văn bản. Mức phí bảo hiểm được xác định theo Biểu phí bảo hiểm xây dựng quy định tại Phụ lục 3 và Phụ phí bảo hiểm xây dựng quy định tại Phụ lục 4 đính kèm Quy tắc bảo hiểm này.

Đối với những bộ phận, những hạng mục công trình đã được bàn giao hoặc đưa vào sử dụng thì trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với những bộ phận, những hạng mục công trình này sẽ chấm dứt kể từ thời điểm bàn giao hoặc đưa các bộ phận, các hạng mục công trình đó vào sử dụng.

Hợp đồng bảo hiểm sẽ chấm dứt hiệu lực vào ngày quy định trong hợp đồng. Mọi trường hợp kéo dài thời hạn bảo hiểm đều phải được doanh nghiệp bảo hiểm đồng ý bằng văn bản.

Điều 7. Điều kiện chung áp dụng đối với cả bảo hiểm thiệt hại vật chất và bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba

1. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ tuân thủ các quy định của Quy tắc bảo hiểm này, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ cung cấp thông tin cho doanh nghiệp bảo hiểm, khai báo

và trả lời đầy đủ, chính xác các câu hỏi ghi trong Giấy yêu cầu bảo hiểm. Đây là điều kiện tiên quyết để ràng buộc trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm.

2. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện mọi biện pháp cần thiết để đề phòng tổn thất hay trách nhiệm có thể xảy ra và tuân thủ mọi qui chế và kiến nghị của các nhà thiết kế. Những chi phí phát sinh liên quan đến việc áp dụng các biện pháp nói trên do người được bảo hiểm chịu.

3. Vào bất kỳ thời gian hợp lý nào, đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm cũng có quyền xem xét và kiểm tra rủi ro được bảo hiểm. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp cho đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm mọi chi tiết, thông tin cần thiết để đánh giá rủi ro được bảo hiểm.

Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin và bằng văn bản về bất kỳ sự thay đổi quan trọng nào đối với các rủi ro được bảo hiểm (người được bảo hiểm tự chịu chi phí cho việc thông báo này). Doanh nghiệp bảo hiểm có quyền yêu cầu người được bảo hiểm thực hiện các biện pháp phòng ngừa cần thiết và nếu cần doanh nghiệp bảo hiểm có thể điều chỉnh phạm vi bảo hiểm và phí bảo hiểm cho phù hợp.

Người được bảo hiểm không được tự ý tiến hành hay chấp nhận bất cứ sự thay đổi quan trọng nào làm tăng mức độ rủi ro bảo hiểm, trừ khi việc đó được doanh nghiệp bảo hiểm chấp thuận bằng văn bản.

4. Trong trường hợp xảy ra những sự kiện bảo hiểm thuộc phạm vi bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này, người được bảo hiểm có nghĩa vụ:

a) Lập tức thông báo ngay cho doanh nghiệp bảo hiểm bằng các phương tiện thông tin và sau đó bằng văn bản, nêu rõ tính chất và mức độ tổn thất,

b) Thực hiện mọi biện pháp trong phạm vi khả năng của mình để hạn chế tổn thất ở mức thấp nhất,

c) Bảo quản các bộ phận bị tổn thất và sẵn sàng để cho đại diện hay giám định viên của doanh nghiệp bảo hiểm giám định các bộ phận đó,

d) Cung cấp mọi thông tin và chứng từ, văn bản theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm xác định tính chất và mức độ tổn thất,

e) Thông báo ngay cho cơ quan công an trong trường hợp tổn thất do trộm cắp.

Trong mọi trường hợp, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm đối với tổn thất vật chất hay trách nhiệm phát sinh từ tổn thất đó nếu trong vòng 14 ngày kể từ ngày xảy ra sự kiện bảo hiểm doanh nghiệp bảo hiểm không nhận được thông báo tổn thất.

Sau khi thông báo cho doanh nghiệp bảo hiểm, người được bảo hiểm có thể tiến hành sửa chữa hay thay thế các hư hỏng nhỏ. Còn trong mọi trường hợp khác, nhất thiết phải có mặt đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm để giám định tổn thất trước khi thực

hiện việc sửa chữa hay thay thế. Nếu đại diện của doanh nghiệp bảo hiểm không tiến hành giám định trong khoảng thời gian được xem là hợp lý theo tình hình thực tế thì người được bảo hiểm có quyền xúc tiến việc sửa chữa hay thay thế.

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm đối với bất kỳ hạng mục được bảo hiểm nào bị tổn thất sẽ chấm dứt nếu hạng mục đó không được sửa chữa kịp thời và chu đáo.

5. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ thực hiện, phối hợp hoặc cho phép doanh nghiệp bảo hiểm thực hiện mọi hành động và biện pháp cần thiết hoặc theo yêu cầu của doanh nghiệp bảo hiểm nhằm bảo vệ mọi quyền và lợi ích mà doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng sau khi thanh toán hoặc bồi thường thiệt hại thuộc trách nhiệm bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này, cho dù những hành động và những biện pháp đó được thực hiện trước hoặc sau khi doanh nghiệp bảo hiểm bồi thường cho người được bảo hiểm.

Các quyền mà doanh nghiệp bảo hiểm được hưởng bao gồm cả quyền được miễn trách nhiệm hoặc quyền đòi bên thứ ba (không phải là người được bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này) bồi hoàn. Chi phí phát sinh liên quan đến các công việc này do doanh nghiệp bảo hiểm chịu.

6. Mọi tranh chấp giữa doanh nghiệp bảo hiểm và người được bảo hiểm trong việc bảo hiểm theo Quy tắc này trước hết được giải quyết trên cơ sở thương lượng. Nếu hai bên không giải quyết được bằng thương lượng, tranh chấp đó sẽ được giải quyết tại toà án theo quy định của pháp luật Việt Nam.

7. Nếu có sự gian lận trong yêu cầu bồi thường về bất kỳ phương diện nào hoặc nếu có bất kỳ sự khai báo sai sự thật nào được đưa ra hoặc được sử dụng nhằm hỗ trợ cho yêu cầu bồi thường đó, hoặc nếu người được bảo hiểm hoặc người thay mặt họ sử dụng bất kỳ phương tiện hay thủ đoạn gian lận nào nhằm trục lợi bảo hiểm thì tất cả mọi quyền lợi theo Quy tắc bảo hiểm này sẽ không có giá trị.

Các quyền lợi bảo hiểm theo Quy tắc bảo hiểm này cũng sẽ không còn giá trị nếu trong phạm vi 3 tháng kể từ ngày yêu cầu bồi thường bị từ chối hoặc trọng tài đưa ra phán quyết về việc giải quyết yêu cầu bồi thường đó, người được bảo hiểm không có khiếu nại đối với doanh nghiệp bảo hiểm.

8. Nếu vào thời điểm phát sinh yêu cầu bồi thường theo Quy tắc bảo hiểm này mà có bất kỳ một hợp đồng bảo hiểm nào khác cũng bảo hiểm tổn thất vật chất hay trách nhiệm đó thì doanh nghiệp bảo hiểm sẽ chỉ có trách nhiệm bồi thường đối với yêu cầu bồi thường về tổn thất vật chất hay trách nhiệm đó theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm đã thoả thuận với tổng số tiền bảo hiểm của tất cả các hợp đồng bảo hiểm mà người được bảo hiểm đã giao kết.

Điều 8. Các điểm loại trừ áp dung chung cho bảo hiểm thiệt hại vật chất và bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba

Doanh nghiệp bảo hiểm không chịu trách nhiệm bồi thường về thiệt hại vật chất hoặc trách nhiệm đối với người thứ ba gây nên bởi, phát sinh từ hoặc có thể quy cho:

1. Chiến tranh, xâm lược, hành động thù địch của nước ngoài (có tuyên chiến hay không tuyên chiến), nội chiến, bạo loạn, bạo động có thể dẫn đến nổi dậy vũ trang hoặc dành chính quyền;

2. Hành động khủng bố có nghĩa là hành động do một người hay một nhóm người thực hiện đơn độc hoặc nhân danh hoặc có liên quan đến bất kỳ tổ chức hoặc chính phủ nào vì mục đích chính trị, tôn giáo, tư tưởng hoặc các mục đích tương tự bao gồm cả ý đồ gây ảnh hưởng đến bất kỳ chính phủ nào, làm cho dân chúng hoặc bất kỳ bộ phận dân chúng nào lo sợ.

Những loại trừ quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này không bao gồm những tổn thất, thiệt hại, chi phí, phí tổn do bất kỳ nguyên nhân nào trực tiếp hay gián tiếp gây ra bởi, bắt nguồn từ hoặc có liên quan đến bất kỳ hành động nào được thực hiện để kiểm soát, ngăn chặn, dập tắt hoặc có liên quan đến những sự kiện được nêu tại khoản 1 và 2 của Điều này.

Nếu căn cứ theo những loại trừ quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này mà doanh nghiệp bảo hiểm từ chối bồi thường cho tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn theo hợp đồng bảo hiểm, thì Người được bảo hiểm có trách nhiệm chứng minh rằng các tổn thất, thiệt hại, chi phí hay phí tổn đó thuộc trách nhiệm bảo hiểm và không thuộc các trường hợp loại trừ quy định tại khoản 1 và 2 của Điều này.

3. Phản ứng hạt nhân, phóng xạ hạt nhân hay nhiễm phóng xạ;

4. Hành động cố ý hay sơ suất lặp đi lặp lại của người được bảo hiểm;

5. Ngừng công việc dù là toàn bộ hay một phần;

6. Tổn thất đối với dữ liệu, phần mềm và các chương trình máy tính, bao gồm:

- Tổn thất hay thiệt hại đối với dữ liệu hoặc phần mềm, đặc biệt là bất kỳ sự thay đổi bất lợi nào về dữ liệu, phần mềm hoặc các chương trình máy tính do việc xoá, làm hỏng hoặc làm biến dạng các cấu trúc ban đầu của dữ liệu, phần mềm, chương trình máy tính đó gây ra và mọi tổn thất gián đoạn kinh doanh do có nguyên nhân từ các tổn thất trên trừ các tổn thất hoặc thiệt hại đối với dữ liệu hoặc phần mềm là hậu quả trực tiếp từ một thiệt hại vật chất được bảo hiểm xảy ra đối với phần vật chất của tài sản.

- Tổn thất hoặc thiệt hại phát sinh từ việc mất hoặc suy giảm khả năng sử dụng, truy cập các dữ liệu, phần mềm hay các chương trình máy tính và mọi tổn thất gián đoạn kinh doanh có nguyên nhân từ các tổn thất trên.

Điều 9. Bảo hiểm thiệt hại vật chất

1. Cam kết bảo hiểm

Nếu trong thời hạn bảo hiểm, bất kỳ một hạng mục tài sản nào có tên trong hợp đồng bảo hiểm hay bất kỳ bộ phận nào của hạng mục đó bị tổn thất bất ngờ và không lường trước được do bất kỳ nguyên nhân nào khác với những nguyên nhân bị loại trừ dưới đây gây ra tới mức cần phải sửa chữa hoặc thay thế thì doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm tổn thất đó theo quy định tại quy tắc bảo hiểm này bằng cách trả tiền, sửa chữa hoặc thay thế (theo sự lựa chọn của doanh nghiệp bảo hiểm). Mức bồi thường đối với từng hạng mục tài sản ghi trong hợp đồng bảo hiểm không vượt quá số tiền bảo hiểm của hạng mục tài sản đó và trong phạm vi hạn mức trách nhiệm bồi thường đối với mỗi sự kiện bảo hiểm (nếu có). Tổng số tiền bồi thường bảo hiểm không vượt quá tổng số tiền được bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

Doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm chi phí dọn dẹp hiện trường sau khi xảy ra tai nạn dẫn đến yêu cầu bồi thường với điều kiện số tiền bảo hiểm cho chi phí này đã được quy định trong hợp đồng bảo hiểm.

2. Các điểm loại trừ áp dụng đối với bảo hiểm thiệt hại vật chất

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không có trách nhiệm bồi thường đối với:

a) Mức khấu trừ quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải tự chịu mức khấu trừ này trong mỗi sự kiện bảo hiểm. Mức khấu trừ được xác định theo quy định tại Phụ lục 5 - Mức khấu trừ đối với phần thiệt hại vật chất (đính kèm Quy tắc bảo hiểm này);

b) Tất cả các loại tổn thất có tính chất hậu quả, bao gồm tiền phạt, tổn thất do chậm trễ, do không thực hiện được công việc, thiệt hại mất hợp đồng;

c) Những tổn thất trực tiếp do thiết kế sai;

d) Những chi phí thay thế, sửa chữa, khắc phục khuyết tật của nguyên vật liệu hoặc của lỗi do tay nghề kém, tuy nhiên loại trừ này chỉ hạn chế trong chính những hạng mục bị ảnh hưởng trực tiếp, tổn thất của các hạng mục khác xảy ra do hậu quả của nguyên vật liệu bị khuyết tật hoặc tay nghề kém không bị loại trừ;

e) Các hiện tượng ăn mòn, mài mòn, ô xy hoá, mục rữa do ít sử dụng hay diễn ra trong điều kiện áp suất, nhiệt độ bình thường;

g) Tổn thất hoặc thiệt hại đối với máy móc, trang thiết bị xây dựng do hỏng hóc hoặc trục trặc về điện hoặc về cơ, do nứt vỡ, do chất lỏng làm nguội hoặc dung dịch khác bị đông đặc; do hệ thống bôi trơn có khiếm khuyết hoặc do thiếu dầu hay chất lỏng. Tuy

nhiên, nếu do hậu quả của những sự cố hỏng hóc hoặc trục trặc này làm xảy ra tai nạn gây thiệt hại đối với những hạng mục được bảo hiểm thì những thiệt hại đó sẽ được bồi thường;

h) Mất mát hay thiệt hại đối với xe cơ giới được phép sử dụng trên đường công cộng hay phương tiện vận tải thuỷ và máy bay;

i) Mất mát hay thiệt hại đối với hồ sơ, bản vẽ, chứng từ kế toán, hoá đơn, tiền, tem phiếu, văn bản, chứng thư nợ, cổ phiếu, thư bảo lãnh, séc;

k) Mất mát hay thiệt hại chỉ phát hiện được vào thời điểm kiểm kê.

3. Điều khoản bảo hiểm áp dụng đối với bảo hiểm thiệt hại vật chất

3.1. Số tiền bảo hiểm:

a) Đối với các công trình xây dựng quy định tại khoản 1, Điều 1 của Quy tắc bảo hiểm này: Số tiền bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm bao gồm toàn bộ vật liệu, tiền lương, cước phí vận chuyển, thuế hải quan, các loại thuế khác, nguyên vật liệu hay các hạng mục do chủ công trình cung cấp và không được thấp hơn tổng giá trị hợp đồng xây dựng.

b) Đối với trang thiết bị xây dựng, máy móc xây dựng phục vụ quá trình xây dựng hạng mục quy định tại khoản 2 và 3, Điều 1 của Quy tắc bảo hiểm này: Số tiền bảo hiểm ghi trong hợp đồng bảo hiểm không được thấp hơn giá trị thay thế (giá thị trường) của trang thiết bị xây dựng và máy móc xây dựng, tức là chi phí thay thế các hạng mục được bảo hiểm bằng các hạng mục mới cùng loại và cùng tính năng.

Trong trường hợp có sự biến động đáng kể về tiền lương hay giá cả, người được bảo hiểm cần phải điều chỉnh lại số tiền bảo hiểm. Việc điều chỉnh này chỉ có hiệu lực sau khi đã được ghi vào hợp đồng bảo hiểm hoặc có văn bản chấp thuận của doanh nghiệp bảo hiểm.

Trong trường hợp có tổn thất, nếu phát hiện thấy số tiền bảo hiểm thấp hơn giá trị của tài sản được bảo hiểm thì doanh nghiệp bảo hiểm chỉ có trách nhiệm bồi thường cho người được bảo hiểm theo tỷ lệ giữa số tiền bảo hiểm và giá trị của tài sản được bảo hiểm. Mọi đối tượng và khoản mục chi phí đều phải tuân theo điều kiện này một cách riêng rẽ.

3.2. Cơ sở giải quyết bồi thường:

Trong mọi trường hợp có tổn thất, cơ sở để giải quyết bồi thường theo hợp đồng bảo hiểm như sau:

a) Đối với trường hợp tổn thất có thể sửa chữa được, cơ sở giải quyết bồi thường là chi phí cần thiết để phục hồi các hạng mục bị tổn thất trở lại trạng thái như trước khi xảy ra tổn thất sau khi trừ đi phần giá trị thu hồi.

b) Đối với trường hợp tổn thất toàn bộ, cơ sở để giải quyết bồi thường là giá trị thực tế của hạng mục đó ngay trước khi xảy ra tổn thất trừ đi giá trị thu hồi.

Doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bồi thường các khoản chi phí mà người được bảo hiểm thực tế phải gánh chịu và theo mức mà các khoản đó đã được tính vào số tiền bảo hiểm, với điều kiện người được bảo hiểm phải tuân thủ đầy đủ các điều kiện và điều khoản ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

Tuỳ theo từng trường hợp cụ thể, doanh nghiệp bảo hiểm chỉ bồi thường sau khi đã chấp nhận các tài liệu, chứng từ cần thiết để chứng minh rằng việc sửa chữa đã được tiến hành hay việc thay thế đã được thực hiện. Mọi tổn thất có thể sửa chữa được đều phải được sửa chữa, nhưng nếu chi phí sửa chữa tương đương hay vượt quá giá trị của hạng mục đó tại thời điểm trước khi xảy ra tổn thất thì việc thanh toán bồi thường sẽ được thực hiện trên cơ sở quy định tại điểm b, khoản 3.2 của Điều này.

Chi phí sửa chữa tạm thời sẽ do doanh nghiệp bảo hiểm chịu nếu như chi phí đó là một bộ phận cấu thành của việc sửa chữa chính thức và không làm tăng chi phí sửa chữa.

Doanh nghiệp bảo hiểm không có trách nhiệm bồi thường mọi chi phí nhằm cải hoán, bổ sung và/hoặc nâng cấp các hạng mục được bảo hiểm.

3.3. Mở rộng phạm vi bảo hiểm:

Theo Quy tắc bảo hiểm này, trường hợp bên mua bảo hiểm muốn mở rộng phạm vi bảo hiểm đối với phần thiệt hại vật chất thì có thể thoả thuận với doanh nghiệp bảo hiểm bằng văn bản về số tiền bảo hiểm và phí bảo hiểm.

Điều 10. Bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba

1. Cam kết bảo hiểm

Trong phạm vi các số tiền bảo hiểm quy định trong hợp đồng bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm sẽ bồi thường cho người được bảo hiểm những số tiền mà người được bảo hiểm có trách nhiệm pháp lý phải bồi thường những thiệt hại phát sinh do việc gây ra:

a) Thương vong hay ốm đau bất ngờ cho người thứ ba (chết hay không chết người),

b) Tổn thất bất ngờ đối với tài sản của người thứ ba,

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm chỉ phát sinh với điều kiện những thiệt hại nêu trên có liên quan trực tiếp đến việc xây dựng hay lắp đặt các hạng mục được bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm tại khu vực công trường hay khu vực phụ cận trong thời hạn bảo hiểm.

Đối với những yêu cầu bồi thường được chấp nhận thanh toán, ngoài các khoản chi phí phải trả thuộc phạm vi bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có trách nhiệm bồi thường thêm cho người được bảo hiểm:

- Tất cả chi phí pháp lý mà bên nguyên đơn đòi được từ người được bảo hiểm;
- Tất cả các chi phí đã phát sinh với sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm,

Trách nhiệm của doanh nghiệp bảo hiểm thuộc phần này không vượt quá hạn mức bồi thường ghi trong hợp đồng bảo hiểm.

2. Những điểm loại trừ áp dụng đối với bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba

Doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu trách nhiệm bồi thường đối với:

a) Mức khấu trừ quy định trong hợp đồng bảo hiểm. Người được bảo hiểm phải tự chịu mức khấu trừ này trong mỗi sự kiện bảo hiểm;

b) Chi phí chế tạo, chế tạo lại, nâng cấp, sửa chữa hay thay thế các hạng mục được bảo hiểm hoặc có thể được bảo hiểm theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm;

c) Thiệt hại đối với tài sản, đất đai hay nhà cửa do chấn động hay kết cấu chịu lực và địa chất công trình bị chuyển dịch hay suy yếu; thương vong hay thiệt hại đối với người hay tài sản do những sự việc nêu trên gây ra (trừ khi có thoả thuận khác bằng điều khoản sửa đổi bổ sung);

d) Trách nhiệm do hậu quả của:

i) Các thương vong, ốm đau gây ra cho người làm thuê hay công nhân của nhà thầu hay của chủ công trình hoặc của bất kỳ doanh nghiệp nào khác có liên quan đến công trình được bảo hiểm toàn bộ hay một phần theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hay gây ra cho thành viên trong gia đình họ;

ii) Tổn thất gây ra đối với tài sản thuộc quyền sở hữu hay quyền quản lý, chăm nom, coi sóc hay kiểm soát của nhà thầu, của chủ công trình hay của bất kỳ doanh nghiệp nào khác có liên quan đến công trình được bảo hiểm toàn bộ hay một phần theo thoả thuận trong hợp đồng bảo hiểm hay của người làm thuê hoặc công nhân của một trong những người nói trên;

iii) Tai nạn gây ra bởi xe cơ giới được phép lưu hành trên đường công cộng hay bởi phương tiện vận tải thuỷ hay máy bay;

ix) Bất kỳ thoả thuận nào của người được bảo hiểm về việc trả một khoản tiền dưới hình thức đền bù hay dưới hình thức khác, trừ khi trách nhiệm đó thuộc trách nhiệm bồi thường của doanh nghiệp bảo hiểm theo hợp đồng bảo hiểm.

e) Trách nhiệm phát sinh do người được bảo hiểm cung cấp hoặc không cung cấp lời khuyên, dịch vụ có tính chất chuyên môn hoặc do bất cứ lỗi hoặc thiếu sót nào có liên quan;

g) Trách nhiệm phát sinh từ sự ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn trừ việc phá hủy hoặc gây thiệt hại đến đối tượng bảo hiểm do ô nhiễm hoặc nhiễm bẩn xuất phát từ bất cứ rủi ro được bảo hiểm nào và trách nhiệm phát sinh liên quan đến các vật liệu hoặc chất phế thải sẵn có hay được thải ra;

h) Trách nhiệm phát sinh từ hay có liên quan đến chất Amiăng;

i) Trách nhiệm liên quan đến tiền phạt khi không thực hiện hợp đồng.

3. Các điều kiện bảo hiểm áp dụng đối với bảo hiểm trách nhiệm đối với người thứ ba

a) Người được bảo hiểm hay người thay mặt người được bảo hiểm không được tự ý thừa nhận, đề xuất, hứa hẹn thanh toán hay bồi thường các khoản tiền liên quan đến hợp đồng bảo hiểm nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của doanh nghiệp bảo hiểm. Khi cần thiết doanh nghiệp bảo hiểm có quyền tiến hành bào chữa hoặc giải quyết bất kỳ khiếu nại nào dưới danh nghĩa người được bảo hiểm hay có quyền đứng tên người được bảo hiểm để tiến hành khởi kiện hay thực hiện các biện pháp khác đòi bồi thường thiệt hại và có toàn quyền hành động trong việc tiến hành tranh tụng hay giải quyết khiếu nại. Người được bảo hiểm có nghĩa vụ cung cấp mọi thông tin có liên quan và hỗ trợ khi doanh nghiệp bảo hiểm yêu cầu.

b) Đối với tai nạn thuộc trách nhiệm bảo hiểm, doanh nghiệp bảo hiểm có thể trả cho người được bảo hiểm toàn bộ số tiền bồi thường (sau khi trừ đi bất kỳ khoản tiền đền bù nào đã trả cho vụ tai nạn đó) hoặc trả một khoản tiền ít hơn đúng với số tiền có thể chấp nhận bồi thường cho vụ tai nạn đó, sau đó doanh nghiệp bảo hiểm sẽ không chịu thêm bất kỳ trách nhiệm nào liên quan đến tai nạn đó theo quy định tại Điều này.